

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 01 đến 07/5/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-100mm, có nơi trên 120mm như Mường Tè (Lai Châu) 131.6mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 85%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 62%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 6%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu điều tiết của các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 13%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-50mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 87%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 51%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm nhẹ so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 10%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 5%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 70mm như: Đình Lập (Lạng Sơn) 70.4mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 95%.

+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 41%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 27%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: phía Bắc phổ biến từ 10-50mm, có nơi trên 100mm như: Như Xuân (Thanh Hóa) 103.1mm; Tĩnh Gia (Thanh Hóa) 142.3mm;...Phía Nam phổ biến từ 0-25mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa và Hà Tĩnh tăng hơn so với tuần trước, các sông ở Nghệ An ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 6%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 11%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 81%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 448%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến 30-80mm, có nơi trên 100mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với

tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 10%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diêm thấp hơn khoảng 84%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 396%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 17% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 34%

+ - Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 57%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 45%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 9%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 33%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 61%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 11%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 16%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 60% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng thấp hơn so với TBNN 20%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến từ 30-70mm, có nơi trên 100mm như: Kon Tum (Quảng Ngãi) 102.6mm. Phía Nam phổ biến ít mưa.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana biến đổi ở mức xấp xỉ so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 70%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 17%. + Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế xuống dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 50mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi ở mức tương đương và tăng so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 70%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 23%. + Tổng lượng dòng chảy Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 14%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc thấp hơn TBNN 4%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 08/5/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 07/5/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	84.8	>19	26.3	12.4	6.1	2	4	4.7	2.6	58.1	>16
	Sơn La	38.6	<39	19.4	2.6	7.3	0	0.5	15.6	0.9	46.3	>32
	Hòa Bình	28.7	>88	0	0.4	8.5	0	0	0.3	2.9	12.1	<66
	Lào Cai	39.7	>23	2.4	0.1	10.8	0	1.8	4.8	2.9	22.8	<28
	Yên Bái	36.1	>622	0	0	4.4	0	0	0.2	0.1	4.7	<81
	Tuyên Quang	35.3	>404	0	0	3.4	0.1	0.1	0.7	0.9	5.2	<83
	Hà Giang	8.7	<74	2.9	2.6	0.6	0	2.7	7.6	3.3	19.7	<44
	Láng	45.5	>245	0	0.1	9.9	0	0.1	0.4	1.1	11.6	<64
	Thái Bình	73.9	>516	0.1	0.5	7.8	0	0.3	0.7	0.8	10.2	<35
	Nam Định	64.3	>202	0.1	0.3	17.5	0	0	0.9	0.8	19.6	>9
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	31.5	>97	0	0.6	2.6	0	0.1	5.4	0.9	9.6	<58
	Thái Nguyên	42.6	>211	0	0.5	0.2	0	0	1.7	4.8	7.2	<75
	Bắc Ninh	85.3	>266	0	0.3	3.8	0	0.1	2.3	7.2	13.7	<54
	Lạng Sơn	66.4	>509	0	3.2	0.1	0	0	2.4	1.4	7.1	<70
	Bắc Giang	37.6	>216	0	1.3	1.2	0	0.3	1.9	2.5	7.2	<67
	Hải Dương	31.8	>80	0	1.2	3.3	0	0	1	5.6	11.1	<61
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	34	>45	0.1	0.4	11.1	0	0	0.4	5.5	17.5	<38
	Bái Thượng	28.7	<8	0	0	25.9	0	0	1.4	1.2	28.5	<10
	Thanh Hóa	22	<36	0	0	29.6	0	0	0.8	1.5	31.9	>76
	Quỳ Châu	38.4	>61	0	0.4	13.4	0	0	1.9	3.1	18.8	<42
	Cửa Rào	47.7	>107	0.2	0.1	10.5	0.3	0	2.7	3.1	16.9	<30
	Đô Lương	38	<56	0.1	0.5	82.9	0.3	0	0.5	1.1	85.4	>221

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
	Vinh	114.4	>369	0	0	24	0	0.1	0.1	0	24.2	>33
	Hương Sơn	45.8	>45	0	0	29	0	0	0.4	0.9	30.3	<15
	Hương Khê	49.9	>96	0	0.6	16.2	1	0	1.7	1.6	21.1	<43
	Hà Tĩnh	67.3	>361	0	0	11	0.4	0	0	1.4	12.8	<38
	Đông Hới	33	>35	0.1	1.2	6.8	6	0	0.5	1.7	16.3	<24
	Quảng Trị	20.1	<48	0	0.6	10.6	6.9	0.4	0	6.6	25.1	>27
	Nam Đông	0	<100	0.3	1.9	9.6	7.6	1.4	0.8	1.6	23.2	<2
	Huế	78.2	>52	0	1.8	17.2	10.7	3.5	0.2	1.8	35.2	>168
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0	<100	0.1	0	0.6	0.7	1	0	0	2.4	<79
	Trà My	3.4	<87	0.8	2.1	4.2	5.7	3.8	0.2	0	16.8	<60
	Ba Tơ	2.4	<92	1.6	0.8	0.9	6.7	3.4	2.1	0.5	16	<39
	Quảng Ngãi	0.4	<98	0.9	0.1	0.3	4	3.3	0.5	0.2	9.3	<8
	Quy Nhơn	0	<100	0.4	0.7	0.5	2.9	6.1	1.4	0.5	12.5	>24
	An Khê	21.4	<4	0.2	0.7	2.3	2.6	3.4	2.6	0.9	12.7	<48
	Tuy Hòa	0	<100	0.5	0.8	0.4	4.3	6.7	1.6	0.2	14.5	<2
	Nha Trang	0.5	<99	2.1	1.6	0.3	5.1	13	5.4	0.2	27.7	>252
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	4.5	<73	0.1	0.2	2.7	1.7	4.5	0.4	0.1	9.7	<76
	Lắk	11.7	<76	0.3	6.5	5	0.6	8.6	8.5	0.6	30.1	<38
	Buôn Mê Thuột	0.1	<100	0.2	5.1	1.3	0.6	5.1	4.3	0.3	16.9	<60
	Biên Hòa	0	<100	0	7.6	5.6	4.6	24.1	7.7	10.4	60	>81
	Cần Thơ	0	<100	0.7	11.5	3.1	1.7	17.4	7.5	22.3	64.2	>151

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo 01 đến ngày 07/05/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 24/04 đến 30/04	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				01/05	02/05	03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	Tổng	
Thao	Yên Bái	31	<85	3	3.3	3.2	3.1	3.1	3.2	3.2	22.1	<87
Lô	Tuyên Quang	112.63	<62	11	16	15	21	22	20.0	21	125	<51
Đà	Hồ Hòa Bình	773.24	>6	90.7	86.4	69.1	103.7	129.6	95.0	82.1	656.6	>10
Hồng	Hà Nội	1134	>13	111.37	116	121	125	130	137.0	142	882	>5
Cầu	Gia Bảy	52.1	>95	3.28	3.16	2.98	2.86	3.04	3.0	2.92	21	>27
Lục Nam	Chũ	6.22	<41	0.55	0.52	0.42	0.36	0.33	0.3	0.36	3	<48
Mã	Cắm Thủy	129.6	~ TBNN	12.48	12.48	12.74	12.87	13.13	14.5	13.79	91.93	~ TBNN
Cả	Yên Thượng	170.2	< 6%	16.17	16.17	16.51	16.68	17.02	18.7	17.87	119.15	< 10%
La	Hòa Duyệt	46.1	> 11%	4.1	4.1	4.19	4.23	4.32	4.8	4.54	30.24	~ TBNN
Tả Trạch	Thượng Nhật	23.7	> 448	2.3	2.2	2.3	2.5	2.4	2.6	2.7	17	> 396
Thu Bồn	Nông Sơn	84.7	> 17	8.8	9.1	9.3	8.9	9.2	9.5	9.9	64.7	> 11
Trà Khúc	Son Giang	67.4	> 34	6.9	6.8	6.7	6.5	6.6	6.7	7	47.2	> 16

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 24/04 đến 30/04	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				01/05	02/05	03/05	04/05	05/05	06/05	07/05	Tổng	So sánh TBNN (%)
Ba	Củng Sơn	12.7	<45	1.81	1.73	1.9	1.99	1.73	1.6	1.56	12.36	<60
Cái Nha Trang	Đồng Trăng	12.7	<9	1.81	1.77	1.73	1.71	1.81	1.8	1.73	12.33	<20
ĐăkBlá	KonTum	7.42	< 70	1	0.89	0.92	0.9	0.92	1.0	0.99	6.4	< 70
Srêpôk	Giang Sơn	12.77	< 17	1.68	1.62	1.56	1.51	1.49	1.5	1.55	10.9	< 23
Tiền	Tân Châu			298	289	298	302	307	315.0	324	2134	>14
Hậu	Châu Đốc			38	38	39	40	41	43.0	45	284	~ TBNN